

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2022

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia
tài sản, thanh toán nợ chung*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Tuyết
2. Ông Diêu Văn An

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Huê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản, thanh toán nợ chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Mùi C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm N, xã C1, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Triệu Chòi L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm N, xã C1, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng C2

Địa chỉ trụ sở chính: Số X, phường H, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Thanh H1 - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch chi nhánh huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

Người được ủy quyền lại: Ông Từ Văn H2 - Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch chi nhánh huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Tổ Z, thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

+ Bà Triệu Mùi N2, sinh năm 1950

Địa chỉ: Xóm Lũng Luông, xã Vũ Nông, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

+ Bà Lý Mùi N2, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm N, xã C1, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

4. *Người phiên dịch tiếng Dao:* Bà Đặng Thị N3

Địa chỉ: Tổ T, thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị C chung sống với anh Triệu Chòi L từ năm 2000, do bố mẹ hai bên sắp đặt hỏi cưới, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ở nhà không có tiền nên chị C đi làm thuê kiếm tiền. Anh L ở nhà không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, chị C về thì đánh đập, đuổi chị C ra khỏi nhà. Sự việc đã được vợ chồng, hai bên gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả, chị C đã về nhà mẹ đẻ sống từ 2019 đến nay. Hiện tại, chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Đặng Mùi C xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Triệu Tạ Pu, sinh ngày 27/3/2003 và Triệu Tạ Chán, sinh ngày 08/9/2005. Cháu Pu trên 18 tuổi, đã lập gia đình và đang sống với anh L tại xóm N, xã C1, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Cháu Chán đang sống với chị C, chị C tiếp tục nuôi cháu Chán cho đến khi tròn 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản chung:* Quá trình chung sống, chị C và anh L tạo dựng được một số tài sản chung, chị C yêu cầu chia tài sản chung như sau:

+ Ruộng đất: Đối với ruộng đất chị C và anh L được bố mẹ chồng chia cho chị C để lại cho chồng và con trai là Triệu Tạ Pu không yêu cầu gì. Đối với ruộng đất mà chị C có công san gạt, cải tạo chị C yêu cầu được chia đôi bao gồm thửa đất số 33 tờ bản đồ số 200 và thửa ruộng ở gần nhà.

+ Ngôi nhà gỗ: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng làm được một ngôi nhà gỗ trên đất của bố mẹ chồng tại xóm N, xã C1, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Đối với đất, chị C không yêu cầu gì. Chị C yêu cầu chia đôi giá trị ngôi nhà. Hiện nay, anh L đang sống tại ngôi nhà đó nên chị C đồng ý để anh L tiếp tục quản lý, sử dụng và thanh toán tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà cho chị C.

+ Chiếc máy cày: Hai vợ chồng mua được một chiếc máy cày vào năm 2018. Chị C yêu cầu được chia đôi giá trị chiếc máy cày, để anh L tiếp tục quản lý sử dụng chiếc máy cày và thanh toán tiền chênh lệch cho chị C.

+ 04 con bò: Hai vợ chồng có 06 con bò, tuy nhiên trong thời gian chị C không ở nhà, anh L bán 02 con, còn 04 con chị C yêu cầu được chia 02 con là con bò đực và con bê cái.

- *Về tài sản riêng*: Khi chung sống với anh L, chị C đi làm thuê kiếm tiền và tự mua được một bộ vòng bạc. Hiện nay, anh L đang cất giữ. Chị C yêu cầu anh L trả lại bộ vòng bạc trên cho chị C.

- *Về nợ chung*: Năm 2019, chị C vay Ngân hàng C2 số tiền vay 50.000.000,đ (*Năm mươi triệu đồng*). Sau khi vay, chị C cho mẹ đẻ là bà Triệu Mùi N2 vay lại số tiền 25.000.000,đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), số tiền còn lại chị C sử dụng để chuẩn bị lấy vợ cho con trai là Triệu Tạ Pu. Do đó, Chị C yêu cầu anh L có trách nhiệm cùng chị C thanh toán số tiền 25.000.000,đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) cho ngân hàng chính sách, số tiền chị C đã cho bà N2 vay bà N2 có trách nhiệm trả lại cho chị C để bà C thanh toán cho ngân hàng.

Tại bản tự khai và quá trình giả quyết vụ án, bị đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh L khai về phần thủ tục kết hôn như chị C trình bày, anh L không có ý kiến gì thêm. Từ năm 2019, vợ chồng mâu thuẫn, chị C bỏ đi, anh L có nguyện vọng và mong muốn chị C quay lại tiếp tục cùng làm ăn, chung sống.

- *Về con chung*: Anh L xác nhận vợ chồng có 02 con chung và nhất trí về việc nuôi con chung như ý kiến của chị C, không có ý kiến gì thêm.

- *Về chia tài sản*: Anh L không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của chị C. Nếu chị C và con trai Triệu Tạ Chán quay lại chung sống thì anh L chia tài sản cho để làm ăn. Triệu Tạ Chán theo chị C, không sinh sống tại địa phương thì anh L không đồng ý chia bất kỳ tài sản gì.

- *Về tài sản riêng*: Anh L thừa nhận được cất giữ một bộ vòng bạc, bộ vòng này do chị C mua, anh L không góp tiền.

- *Về nợ chung*: Anh L không đồng ý cùng chị C thanh toán số tiền 25.000.000,đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) cho ngân hàng chính sách. Sau khi chị C vay tiền, chị C tự cầm và chi tiêu, anh L không biết chị C đã tiêu dùng vào việc gì nên không đồng ý thanh toán.

- Ý kiến của đại diện Ngân hàng C2: Năm 2019, Ngân hàng C2 giải ngân cho chị Đặng Mùi C vay số tiền 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng). Nay, chị C và anh L ly hôn, ngân hàng yêu cầu anh L và chị C có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng khoản nợ trên.

- Ý kiến của bà Triệu Mùi N2: Bà N2 xác nhận được vay của chị C số tiền 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Nay, chị C và anh L ly hôn, bà N2 đồng ý trả cho chị C số tiền 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Ý kiến của bà Lý Mùi N2: Bà N2 là mẹ đẻ của anh L. Sau khi kết hôn, C và L sống riêng. Khoảng năm 2016, năm 2017 bà N2 không nhớ rõ thời gian cụ thể bà N2 về ở cùng vợ chồng L và C. Từ lúc C bỏ nhà đi, bà là người trực tiếp chăn nuôi 04 con bò của hai vợ chồng. Nay C và L ly hôn, bà yêu cầu được chia 01 con bò công chăn nuôi của bà. Năm 2019, khi con trai của L lấy vợ, bà thấy C chuẩn bị, mua đồ dùng và đồ cưới cho con trai nhưng bà không biết C sử dụng từ nguồn tiền nào.

Triệu Tạ Chán là con chung của chị C và anh L đã trên 7 tuổi tuy nhiên qua xác minh, Chán không có mặt tại địa phương, đang đi làm thuê trong niềm Nam, chị C cũng không biết được địa chỉ cụ thể của Chán nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Chán về việc muốn sống với bố hoặc mẹ.

Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh L không đồng ý với yêu cầu của chị C, Ngân hàng C2, bà Triệu Mùi N2 và bà Lý Mùi N2 giữ nguyên ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa được thực hiện theo đúng của định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, Điều 16, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 207, 219, 274, 275, 288 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 273, Điều 280; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Mùi C và anh Triệu Chòi L là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Triệu Tạ Chán, sinh ngày 08/9/2005 cho chị C nuôi cho đến khi tròn 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về chia tài sản: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị C. Chị C được chia một thửa ruộng, một phần hai giá trị ngôi nhà, một phần hai giá trị chiếc máy cày và hai con bò. Anh L được chia một thửa ruộng, một ngôi nhà gỗ, một

chiếc máy cày, một con bò. Anh L trả cho chị C số tiền chênh lệch tài sản là 12.074.805,đ (*Mười hai triệu không trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm linh năm đồng*).

+ Tài sản riêng: Anh L trả cho chị C bộ vòng bạc là tài sản riêng của chị C.

+ Về thanh toán nợ chung: Bà Triệu Mùi N2 trả cho chị C 25.000.000,đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), anh L trả cho chị C 12.500.000,đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Chị C có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng 50.000.000,đ (*Năm mươi triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị Đặng Mùi C khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, chia tài sản, thanh toán nợ chung với anh Triệu Chòi L. Anh L có địa chỉ thường trú tại xóm N, xã C1, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị C và anh L cùng xác nhận anh, chị chung sống với nhau từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới theo phong tục của dân tộc nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Mặc dù hôn nhân của chị C và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có thời gian chung sống thực tế lâu dài từ năm 2000 cho đến năm 2019 và có hai con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, khi mâu thuẫn xảy ra, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy cần căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh L.

[3] *Về con chung:* Chị C và anh L cùng xác nhận anh, chị có hai con là Triệu Tạ Pu, sinh ngày 27/3/2003 và Triệu Tạ Chán, sinh ngày 08/9/2005.

Tại phiên hòa giải ngày 24/8/2022, chị C và anh L cùng thống nhất: Triệu Tạ Pu đã trên 18 tuổi nên chị C và anh L không yêu cầu gì đối với Triệu Tạ Pu. Chị C tiếp tục nuôi Triệu Tạ Chán cho đến khi cháu Chán tròn 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, các bên vẫn giữ nguyên ý kiến về con chung như tại phiên hòa giải ngày 24/8/2022. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị C và anh L về nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

[4] *Về tài sản chung*: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị C khai nhận vợ chồng tạo dựng được một số tài sản và yêu cầu chia tài sản như sau:

+ Về ruộng đất: Đối với ruộng đất chị C và anh L được bố mẹ chồng chia cho, chị C để lại cho chồng và con trai là Triệu Tạ Pu, không có yêu cầu gì. Đối với ruộng đất mà chị C có công san gạt, cải tạo chị C yêu cầu được chia đôi bao gồm thửa đất số 33 tờ bản đồ số 200 và đám ruộng ở gần nhà.

+ Về ngôi nhà gỗ: Sau khi kết hôn hai vợ chồng làm nhà trên đất của bố mẹ chồng. Đối với đất chị C không yêu cầu gì. Chị C yêu cầu chia đôi giá trị ngôi nhà. Hiện nay, anh L đang sống tại ngôi nhà đó nên chị C đồng ý để anh L tiếp tục quản lý, sử dụng và thanh toán tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà chị C.

+ Về chiếc máy cày: Chị C yêu cầu được chia đôi giá trị chiếc máy cày, để anh L tiếp tục quản lý sử dụng chiếc máy cày và thanh toán tiền chênh lệch cho chị C.

+ Về 04 con bò: Chị C yêu cầu được chia con bò đực và con bê cái.

Anh L không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của chị C. Anh L cho rằng chị C và con trai tự bỏ nhà đi nên anh L không đồng ý chia cho bất kỳ tài sản nào.

Căn cứ biên bản xác minh, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 16/8/2022, xác định được chị C, anh L có những tài sản chung và giá trị như sau:

+ Một ngôi nhà gỗ giá trị 29.275.017,đ (*Hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm mười bảy đồng*).

+ Một chiếc máy cày trị giá 4.875.000,đ (*Bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

+ Bốn con bò: Con bò đực màu nâu sẫm trị giá 13.000.000,đ (*Mười ba triệu đồng*); con bò cái màu vàng đậm, 14 tuổi trị giá 8.000.000,đ (*Tám triệu đồng*); con bò cái màu vàng đậm, 2 tuổi trị giá 5.000.000,đ (*Năm triệu đồng*); con bê cái màu vàng đậm, dưới một tuổi trị giá 2.000.000,đ (*Hai triệu đồng*).

Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chia tài sản chung của chị C và anh L như sau:

+ Về ruộng đất: Theo trích lục sổ mục kê, thửa đất số 33, tờ bản đồ số 200, diện tích 987 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI 044973 đứng tên Triệu Chòi L và Đặng Mùi C. Anh L, chị C xác nhận thửa ruộng ở gần nhà tại xóm N, xã C1, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng có diện tích khoảng 900 m² là của gia đình anh L nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình canh tác đã lâu, không tranh chấp với ai, ruộng khai hoang trên đất rừng, vị trí thửa ruộng như sau: Ba hướng tiếp giáp với đất rừng, hướng từ khe suối lên giáp với ruộng của ông Triệu Chòi Sơn. Hai thửa ruộng trên là tài sản

chung của chị C và anh L do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị C, chia cho chị C thửa đất số 33, tờ bản đồ số 200, chia cho anh L thửa ruộng khai hoang trên đất rừng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Về ngôi nhà gỗ: Chị C, anh L và bà Lý Mùi N2 (mẹ đẻ của anh L) đều xác nhận ngôi nhà gỗ là do chị C và anh L tạo dựng nên sau khi về chung sống. Đây là tài sản chung của chị C và anh L do đó chấp nhận yêu cầu của chị C, giao cho anh L được tiếp tục quản lý, sử dụng ngôi nhà và anh L có trách nhiệm thanh toán cho chị C một phần hai giá trị ngôi nhà với số tiền 14.637.805,đ (*Mười bốn triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm linh năm đồng*).

+ Về chiếc máy cày: Chiếc máy cày mua năm 2018, trong thời kỳ chị C và anh L chung sống. Đây là tài sản chung của chị C và anh L do đó chấp nhận yêu cầu chia của chị C, giao cho anh L được tiếp tục quản lý sử dụng chiếc máy cày và thanh toán cho chị C một phần hai giá trị chiếc máy cày với số tiền 2.437.000,đ (*Hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

+ Về 04 con bò: Chị C, anh L và bà Lý Mùi N2 cùng xác nhận, anh L, chị C có 04 con bò. Từ lúc chị C bỏ đi, bà N2 là người trực tiếp chăn nuôi 04 con bò. Sau khi cân nhắc ý kiến của các bên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chia 04 con bò như sau: Anh L được chia một con bò cái màu vàng đậm, 14 tuổi, bị gãy một sừng trị giá 8.000.000,đ (*Tám triệu đồng*). Chị C được chia một con bò đực màu nâu sẫm, 04 tuổi và một con bò cái màu vàng đậm 02 tuổi chưa có sừng, tổng giá trị hai con bò là 18.000.000,đ (*Mười tám triệu đồng*). Bà Lý Mùi N2 được chia 01 con bê cái màu vàng đậm dưới một tuổi, giá trị 2.000.000,đ (*Hai triệu đồng*). Chị C thanh toán cho anh L số tiền 5.000.000,đ (*Năm triệu đồng*) giá trị chênh lệch con bò.

Sau khi đối trừ giá trị chênh lệch tài sản, anh L phải thanh toán cho chị C tổng số tiền 12.074.805,đ (*Mười hai triệu không trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm linh năm đồng*).

[5] *Về tài sản riêng*: Chị C và anh L xác nhận trong thời gian chung sống với anh L, chị C tự bỏ tiền ra mua một bộ dây bạc và đưa cho anh L cất giữ. Chị C và anh L không đăng ký kết hôn, do đó đây là tài sản riêng của chị C nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C buộc anh L phải trả lại bộ dây bạc cho chị C.

[6] *Về nợ chung*: Hội đồng xét xử xét thấy, đối với khoản vay 50.000.000,đ (*Năm mươi triệu đồng*) của chị C với ngân hàng C2, sau khi vay tiền chị C đã cho mẹ đẻ là bà Triệu Mùi N2 vay lại số tiền 25.000.000,đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Bà N2 xác nhận được vay chị C số tiền này và đồng ý trả lại cho chị C. Đối với số tiền 25.000.000,đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) còn lại, anh L không đồng ý cùng chị C thanh toán cho Ngân hàng vì anh L cho rằng không được trực tiếp cầm và chi dùng số tiền này. Tuy nhiên, xét thấy thời điểm chị C vay tiền trùng với thời điểm con chung của chị C và anh L chuẩn bị lấy vợ. Mẹ đẻ của anh L là bà Lý Mùi N2 sống chung với chị C và anh L cũng xác nhận, chị C đã chi tiền để chuẩn bị lấy vợ cho Pu. Như vậy, tuy anh L không được trực

tiếp được cầm và tiêu dùng số tiền 25.000.000,đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) nhưng chị C đã chi dùng vào việc chuẩn bị lễ cưới cho Triệu Tạ Pu là con chung của chị C và anh L. Do đó, anh L phải có trách nhiệm cùng chị C Thanh toán số tiền 25.000.000,đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) cho ngân hàng chính sách. Cụ thể mỗi người thanh toán 12.500.000,đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

[7] *Về án phí*: Chị C, anh L thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 16, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 207, 219, 274, 275, 288 của Bộ luật Dân sự năm 2011;

Căn cứ Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Mùi C và anh Triệu Chòi L là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Đặng Mùi C và anh Triệu Chòi L về nuôi con chung như sau: Chị Đặng Mùi C nuôi Triệu Tạ Chán, sinh ngày 08/9/2005 cho đến đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản:

- Chị Đặng Mùi C được chia:

+ Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 200, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 044973 mang tên Triệu Chòi L và Đặng Mùi C, bốn hướng tiếp giáp với đất rừng.

+ Một phần hai giá trị ngôi nhà gỗ với số tiền 14.637.805,đ (*Mười bốn triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm linh năm đồng*).

+ Một phần hai giá trị chiếc máy cày với số tiền 2.437.000,đ (*Hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

+ Một con bò đực màu nâu sẫm, 04 tuổi và một con bò cái màu vàng đậm 02 tuổi chưa có sừng, tổng giá trị hai con bò là 18.000.000,đ (*Mười tám triệu đồng*).

- Anh Triệu Chòi L được chia:

+ Một thửa ruộng gần nhà anh L tại xóm N, xã C1, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, ruộng khai hoang trên đất rừng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí thửa ruộng như sau: Ba hướng tiếp giáp với đất rừng, hướng từ khe suối lên giáp với ruộng của ông Triệu Chòi Sơn.

+ Một ngôi nhà gỗ tại xóm N, xã C1, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

+ Một chiếc máy cày.

+ Một con bò cái màu vàng đậm, 14 tuổi, bị gãy một sừng trị giá 8.000.000,đ (*Tám triệu đồng*).

Sau khi đối trừ giá trị chênh lệch tài sản, anh L phải thanh toán cho chị C tổng số tiền 12.074.805,đ (*Mười hai triệu không trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm linh năm đồng*).

- Bà Lý Mùi N2 được chia 01 con bê cái màu vàng đậm dưới một tuổi, giá trị 2.000.000,đ (*Hai triệu đồng*).

4. Về tài sản riêng:

Buộc anh Triệu Chòi L phải trả cho chị Đặng Mùi C một bộ dây bạc.

5. Về thanh toán nợ:

Bà Triệu Mùi N2 có trách nhiệm trả cho chị C số tiền 25.000.000,đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Anh Triệu Chòi L có trách nhiệm thanh toán cho chị C số tiền 12.500.000,đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Chị C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng C2 số nợ gốc 50.000.000,đ (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc.

6. Về án phí: Chị Đặng Mùi C và anh Triệu Chòi L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã C1;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Nguyệt Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lãnh Thị Muôn Hoàng Thị Lê

Mã Nguyệt Thu